

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-01-2022
V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh.
2. Ông Trương Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2021/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2022:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1999;

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở hiện nay: Số nhà x, đường L, tổ y, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Trần Xuân Đ**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị L, anh Đ đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Xuân Đ tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 30/01/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại thôn T, xã V đến tháng 6 năm 2020, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế vợ chồng khó khăn, tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra va chạm cãi vã nhau. Đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện, hai bên gia đình tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả. Đến tháng 01 năm 2021, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị tại phường T thành phố T, tỉnh Thái Bình ở, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Xuân Đ.

Về con chung: Chị và anh Trần Xuân Đ có 01 con chung là Trần Hoàng A, sinh ngày 19/12/2019. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Trần Xuân Đ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về phần tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay chung ai tài sản gì và không cho ai vay chung tài sản gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại Biên bản lấy lời khai của ông Trần Xuân V là bố đẻ của anh Trần Xuân Đ thể hiện:*** Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như chị L trình bày là đúng. Đến giữa năm 2020 thì vợ chồng anh Đ chị L thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế vợ chồng khó khăn, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra va chạm cãi vã nhau. Khi hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên có hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không hòa thuận được. Đến tháng 01 năm 2021, chị L đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại địa chỉ phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, vợ chồng anh Đ chị L sống ly thân từ đó đến nay. Chị L có đơn xin ly hôn anh Đ, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng anh Đ chị L có 01 con chung là Trần Hoàng Anh, sinh ngày 19/12/2019, do con còn nhỏ nên ông đồng ý để chị L trực tiếp nuôi con Trần Hoàng Anh. Nếu chị L kết hôn với người khác thì đưa con về cho anh Đ nuôi. Về phần tài sản chung: Vợ chồng anh Đ chị L không có tài sản chung, vợ chồng anh chị không nợ gì với gia đình ông, không có công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình ông. Hiện nay anh Đ đi làm ăn xa. Khi gia đình ông nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông đã giao cho anh Đ nhưng anh Đ bận không đến Tòa án được và

anh Đ nói chị L muốn ly hôn thì tự chị L đi giải quyết. Ông đề nghị Tòa án gửi văn bản tố tụng của anh Đ về cho gia đình ông, ông sẽ giao ngay cho anh Đ.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, khoản 4 Điều 161, Điều 162, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử cho chị L được ly hôn anh Đ. Ly hôn, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng A, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2022 đến khi con A đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Án phí: Buộc chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, buộc anh Đ phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do kinh tế khó khăn, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra va chạm cãi vã nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay, xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh

Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Đ.

[3.2] Về quan hệ con cái: Chị L và anh Đ có 01 con chung là cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 19/12/2019. Anh Đ đồng ý để cho chị L trực tiếp nuôi con, chị L có đủ điều kiện nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng A và buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hoàng A 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2022 đến khi con Hoàng A đủ 18 tuổi.

[3.3] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ không trình bày về vấn đề tài sản, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đ phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Xuân Đ.

[2]. Về quan hệ con cái: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Hoàng A, sinh ngày 19/12/2019. Anh Trần Xuân Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Hoàng A cho chị Nguyễn Thị L 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*)/tháng kể từ tháng 02/2022 đến khi con Trần Hoàng A đủ 18 tuổi.

Anh Trần Xuân Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Trần Xuân Đ, chị Nguyễn Thị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000423 ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí ly

hôn sơ thẩm. Anh Trần Xuân Đ phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L, anh Trần Xuân Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: xx ngày 30/01/2019)
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương